

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Nghe tiếng Trung trung cấp 3		
Mã học phần:	71MAL640122	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	243_71MAL640122_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	35	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có	☒ Không	

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (18 câu – 5 điểm)

Câu 1: 根据课文内容, 选择正确答案 (10 题, 每题 0.3 分)

课文一: 1-5

1.

- A. 填表
B. 互相介绍
C. 自我介绍
D. 互相问问题

ANSWER: A

2.

- A. 姓名
B. 性别
C. 性格
D. 外貌

ANSWER: A

3.

- A. 活泼开朗
B. 头发的颜色
C. 高矮胖瘦
D. 穿什么衣服

ANSWER: A

4.

- A. 把表交给老师
- B. 把表交给同学
- C. 写自己的名字
- D. 把表带回家

ANSWER: A

5.

- A. 用几个词简单描写
- B. 写得别人看不懂
- C. 用很多句子详细介绍
- D. 不需要写外貌

ANSWER: A

课文二： 1-5

1.

- A. 几百人
- B. 一百人
- C. 五十人
- D. 两三个人

ANSWER: A

2.

- A. 3 分钟
- B. 30 分钟
- C. 一小时
- D. 没有规定

ANSWER: A

3.

- A. 左上角有考生的名字
- B. 考生名字下注有拼音
- C. 做完了试卷全部的题
- D. 试卷 1、2、3 题必须做

ANSWER: A

4.

- A. 把试卷带走
- B. 参加下轮考试
- C. 把试卷带回家做
- D. 继续把试卷做完

ANSWER: A

5.

- A. 题目太多
- B. 招聘的人太少
- C. 试卷太难
- D. 不许他们带走试卷

ANSWER: A

Câu 2: 根据课文内容, 判断正误 (8 题, 每题 0.25 分)

1. 6 月, 学生们将面临着自己人生中最后一次考试。

- A. Sai
- B. Đúng

ANSWER: A

2. 高考压力使很多考生日夜苦读, 家长也非常焦虑。

- A. Đúng

B. Sai

ANSWER: A

3. 大部分考生经过考试以后都可以考上自己理想的大学。

A. Sai

B. Đúng

ANSWER: A

4. 人们把 6 月称为黑色的 6 月，是因为很多考生不能进入理想的大学。

A. Đúng

B. Sai

ANSWER: A

5. 社会各界都认为高考是个选择人才的好办法。

A. Sai

B. Đúng

ANSWER: A

6. 6 月 15 日到 18 日,召开了全国科教工作会议。

A. Sai

B. Đúng

ANSWER: A

7. 教育部准备通过改革招生考试制度，增加考生的就学机会。

A. Đúng

B. Sai

ANSWER: A

8. 这次改革被认为是考生和家长的一个大好消息。

A. Đúng

B. Sai

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (3 câu – 5 điểm)

Câu 3: 仔细听录音, 找出每组句子有什么共同的地方 (10 题, 每题 0.2 分)

- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.....
- 5.....
- 6.....
- 7.....
- 8.....
- 9.....
- 10.....

Câu 4: 听课文, 简单回答问题 (5 题, 每题 0.4 分)

1. 学生想买什么东西?
2. 老师说电子词典的价格最便宜是多少?
3. 老师提到词汇量对电子词典价格有什么影响?
4. 老师觉得名牌的电子词典怎么样?
5. 中国人说的“一分钱一分货”是什么意思?

Câu 5: 根据你听到的这个话题讨论, 谈一谈你自己的观点 (3-4 个句子) (1 分)

你喜欢网上购物还是传统的购物方式?

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		5.0	
Câu 1: 1 – 10	A	0.3	
Câu 2: 11 – 18	A	0.25	
II. Tự luận		5.0	

Câu 3	1. 压力 2. 应付 3. 以.....为中心 4. 挨 5. 非.....不可 6. 该.....就 7. 要是.....就 8. 捡 9. 付 10. 直到	2.0	
Câu 4	1. 学生想买一个电子词典。 2. 便宜的不到一千块钱。 3. 词汇量越大，电子词典越贵。 4. 老师觉得名牌的可能贵一点，但质量好一些。 5. 意思是东西贵一点，质量也会好一点。	2.0	
Câu 5	Câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, đúng ngữ pháp.	1.0	
Điểm tổng		10.0	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 7 năm 2025
Giảng viên ra đề